TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/05/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tùng

Bà Nguyễn Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 05 năm 2026, tại Hội trường C - Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 499/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1980; Căn cước số: 0751.8000.4303 do Bộ Công An cấp ngày 10/01/2025.

Địa chỉ: Ấp P, xã D, tỉnh Đồng Nai. (Nay là khu phố P, phường D, thành phố Đồng Nai)

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Như V**, sinh năm: 1973; CCCD số: 0450.7300.3207 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH cấp ngày 06/01/2022.

Địa chỉ: X, tổ Y, ấp P, xã D, tỉnh Đồng Nai. (Nay là X, tổ Y, khu phố P, phường D, thành phố Đồng Nai)

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 12 năm 2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Trên cơ sở tự nguyện, chị H và anh V quen biết nhau một thời gian thì đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B 2, huyện TN, tỉnh Đồng Nai (Nay là UBND phường D, thành phố Đồng Nai) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122 ngày 12/10/2006.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khi sanh con (cháu đầu tiên) thì hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, chị H vẫn cố gắng chịu đựng để sống vì con cái. Sau khi dịch Covid 19 xong thì hai vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do anh V không có công việc ổn định, hay đi nhậu cùng với bạn bè, ít quan tâm lo cho gia đình, vợ con. Khi say rượu, anh V không kiểm soát được lời nói và hành động nên đã chửi bới, xúc phạm chị H và còn xảy ra xô sát với chị H. Chị H có báo Công an xã và Công an xã mời anh V lên làm việc rồi sau đó một thời gian thì anh V vẫn không thay đổi. Trước đây, vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng, mạnh ai người đó sống và không quan tâm đến nhau. Mỗi khi anh V say xỉn, chửi bới thì chị H và các con lại chạy ra khỏi nhà để ngủ qua đêm vì lo sợ anh V hành hung, đánh mấy mẹ con. Lúc nào anh V cũng hăm dọa là giết chị H và đốt hết cả nhà. Vì lo sợ cho sự an toàn của bản thân và con cái nên hiện nay chị H đã dọn ra ngoài sống, không thể chịu đựng được anh V nữa. Chị H xác định tình cảm hiện nay đã hết và không thể hàn gắn đoàn tụ lại với anh V nữa nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 người con chung là cháu Bùi Nguyễn Q N, sinh ngày 12/7/2007; cháu Bùi Nguyễn QA, sinh ngày 22/6/2011 và cháu Bùi Nguyễn Khánh Q, sinh ngày 28/01/2014. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu QA và cháu Khánh Q, đồng thời không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Q N đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh V tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Bùi Như V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh V không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai nhưng

vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Như V được ly hôn.

+ Về con chung: Giao cháu Khánh Q và QA cho chị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Riêng cháu Q N đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh V hiện đăng ký thường trú tại địa chỉ X, tổ Y, ấp P, xã D, tỉnh Đồng Nai (nay là X, tổ Y, khu phố P, phường D, thành phố Đồng Nai) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H có yêu cầu ly hôn với bị đơn – anh Bùi Như V. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

[1.3] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn, anh Bùi Như V là bị đơn.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

- Ngày 23/3/2026, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V, thông báo cho anh V biết thời gian mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa, anh V tiếp tục vắng mặt lần thứ 02 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Như V tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B 2, huyện TN, tỉnh Đồng Nai (Nay là UBND phường D, thành phố Đồng Nai) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122 ngày 12/10/2006. Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị H và anh V là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua trình bày của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống chung của vợ chồng chị H và anh V đã xảy ra mâu thuẫn. Trong cuộc sống chung vợ chồng, anh chị đã thiếu sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra sự bất hòa. Nguyên nhân chủ yếu là do anh V thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình với chị H dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Chị H cho rằng anh V không có việc làm ổn định, hay đi nhậu cùng với bạn bè, về nhà chửi bới xúc phạm chị H và còn xảy ra xô sát. Hiện nay hai vợ chồng đang sống ly thân, không sống chung cùng nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh V đến tòa tham gia giải quyết, hòa giải đoàn tụ cùng chị H nhưng anh V không hợp tác. Điều đó cho thấy anh V không có thiện chí muốn hòa giải cùng với chị H để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Theo biên bản xác minh ngày 06/03/2026, địa phương cho biết: *" ... Hiện nay ông V và bà H không sống chung với nhau".*

Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh V chung sống có 03 con chung là cháu:

+ Cháu Bùi Nguyễn Q N, sinh ngày: 12/07/2007.

+ Cháu Bùi Nguyễn QA, sinh ngày: 22/06/2011.

+ Cháu Bùi Nguyễn Khánh Q, sinh ngày: 28/01/2014.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu QA và cháu Khánh Q. Xét thấy, hiện con chung đang sống cùng với chị H và chị H đang chăm sóc tốt cho các cháu. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao con chung cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Hiện nay, cháu Bùi Nguyễn Q N đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng: Tạm thời anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H và anh V đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai: Về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị H.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Như V được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cháu Bùi Nguyễn QA, sinh ngày: 22/06/2011 và cháu Bùi Nguyễn Khánh Q, sinh ngày: 28/01/2014 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Bùi Nguyễn Q N đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Anh Bùi Như V được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng: Tạm thời anh Bùi Như V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị H không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0009886 ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đồng Nai;
- UBND phường D (Trước là UBND xã B 2), TP. Đồng Nai (GNCKH số 122/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Thị Tuyết Hạnh